

Bản án : 79/2019/HS-ST

Ngày : 27/9/2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trâm Tuấn Kiệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thu

Ông Nguyễn Kiên Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện VKSND Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tấn T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1985; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 402 lô A chung cư X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Huỳnh Thị Ng; có vợ Nguyễn Thị Ngọc TT và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 26/5/2019; (có mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc TT, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1992; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 186/1 Đường A, Phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Tăng Ngọc D; có chồng Phạm Tấn T và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/7/2019; (có mặt).

**- Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh năm 1996; hộ khẩu: 102 lô B chung cư Ánh Quang, Phường 9, Quận Z0, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 18 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận Z0, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy, sinh năm 1980; hộ khẩu: 186/1 Đường A, Phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1831/10/5 Đường M, thị trấn N, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/5/2019, Phạm Tấn T điều khiển xe Vision màu đỏ, biển số 59T2-242.46 chở vợ là Nguyễn Thị Ngọc TT đi khám thai tại bệnh viện Từ Dũ. Sau đó, T và TT đến quán cơm số 08 Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3 để mượn tiền của chị T nhưng không được. Đến 12 giờ cùng ngày, T chở TT ngang nhà số 13/2 Nguyễn Văn Mai, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy chiếc xe Vision màu xanh, biển số 59U1-921.45 của bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm dựng phía trước nhà, không người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T dùng xe gần số nhà 13/2 Nguyễn Văn Mai để TT ngồi giữ xe, rồi lên lút đi đến dùng tua vít phá khóa xe của bà Trâm nhưng không được. T đẩy bộ chiếc xe ra gặp TT và kêu TT lên xe biển số 59U1-921.45 ngồi giữ tay lái, T điều khiển xe 59T2-242.46 dùng chân đẩy TT đi đến đường Võ Thị Sáu. Tại đây, T gỡ mặt nạ xe biển số 59U1-921.45 ra, câu dây điện trực tiếp nổ máy chạy xe đi bán còn TT điều khiển xe biển số 59T2-242.46 về nhà. T đến trước số nhà 190 Hồng Bàng, Quận 5 bán chiếc xe biển số 59U1-921.45 cho người đàn ông (không rõ lai lịch) lấy 3.000.000 đồng về đưa cho TT 1.000.000 đồng.

Nhận được tin báo, Cơ quan điều tra tiến hành truy xét và xác định Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT là người đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45 tại trước số nhà 13/2 Nguyễn Văn Mai, Phường 8, Quận 3 tiến hành khởi tố để điều tra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3, xác định: 01 (một) chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45 tại thời điểm tháng 5/2019 trị giá 24.333.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45, số khung: RLHJF5805EY594596, số máy: JF58E0479403, không thu hồi được.

- 01 chiếc xe Vision, biển số 59T2-242.46, số khung: 5821JY023098, số máy: JF86E0060189, đã trả cho chủ sở hữu Nguyễn Thị Ngọc Thùy.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm yêu cầu bồi thường số tiền 24.333.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS-HS ngày 23/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa hôm nay :*

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy có mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam; xử phạt bị cáo TTừ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với nội dung Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an Phường 8, Quận 3 lập ngày 22/5/2019 (BL 44); phù hợp Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp do Công an Phường 8, Quận 3 lập ngày 26/5/2019 (BL 41); phù hợp Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú do Công an Phường 8, Quận 3 lập ngày 26/5/2019 (BL 43); phù hợp nội dung các lời khai của bị hại, nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Khoảng 10 giờ ngày 21/5/2019, tại trước nhà số 13/2 Nguyễn Văn Mai, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45 của bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

[2] Xét, các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn bất chấp xem thường sự trừng trị của pháp luật cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương.

[3] Căn cứ từ các yếu tố nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt được của bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm 01 chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45 vào thời điểm tháng 5/2019 trị giá 24.333.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Tuy nhiên cũng xét, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối lỗi; các bị cáo đã liên đới bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) là một phần tiền để khắc phục hậu quả nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b-i-s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét, bị cáo TT là phụ nữ có thai và ngày 26/5/2019 bị cáo TT ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo TT có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự nghĩ không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù là đã có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo về sau.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc trước, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do đó Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự quy định về xử phạt trong trường hợp có đồng phạm để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[6] Từ những cơ sở trên, nghĩ cần căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự quy định về căn cứ quyết định hình phạt, Điều 38 Bộ luật Hình sự quy định về tù có thời hạn; áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về khung hình phạt áp dụng; áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự quy định về xử phạt trong trường hợp có đồng phạm; áp dụng các điểm b-i-n-s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe Vision, biển số 59U1-921.45, số khung: RLHJF5805EY594596, số máy: JF58E0479403, không thu hồi được.

- Đối với 01 chiếc xe Vision, biển số 59T2-242.46, số khung: 5821JY023098, số máy: JF86E0060189, đã trả cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy.

[8] Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và đồng ý liên đới bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của bị hại là 19.333.000 đồng (mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) là không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17 và Điều 58; các điểm b-i-s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Tấn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17 và Điều 58; các điểm b-i-n-s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Ngọc Thủy.

Căn cứ Điều 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt** : Phạm Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/5/2019.

**Xử phạt** : Nguyễn Thị Ngọc TT01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thị Ngọc TT về cho Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Buộc Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm số tiền 19.333.000 đồng (mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thực hiện đúng việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Buộc Tài và TT phải liên đới chịu 966.650 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, cụ thể: mỗi bị cáo phải chịu 483.325 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích quy chế án treo cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Thủy).

**Nơi nhận :**

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an quận 3;
- Nhà tạm giữ CAQ3;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q3;
- UBND phường Y, Quận Z;
- UBND phường Phạm Ngũ Lão, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt** : Phạm Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/5/2019.

**Xử phạt** : Nguyễn Thị Ngọc TT 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thị Ngọc TT về cho Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Buộc Phạm Tấn T và Nguyễn Thị Ngọc TT liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm số tiền 19.333.000 đồng (mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thực hiện đúng việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Buộc Tài và TT phải liên đới chịu 966.650 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, cụ thể: mỗi bị cáo phải chịu 483.325 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích quy chế án treo cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Thủy).

#### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**HỘI THẨM NHÂN DÂN    HỘI THẨM NHÂN DÂN    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**

**Nguyễn Kiên Hiên**

**Trần Tuấn Kiệt**